|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: /2016/TT-BTC | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **------------------------------------------** |
|  | Hà Nội, ngày tháng năm 2016 |

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, kê khai, nộp, quản lý**

**phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*cứ một số nội dung của*

*Căn cứ Nghị định số …/2016/NĐ-CP ngày ../../2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí*

*Căn cứ Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, khai, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính như sau:*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định việc kê khai, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính, bao gồm: giấy phép bưu chính, giấy phép nhập khẩu tem bưu chính và văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (sau đây gọi chung là giấy phép).

2. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính phải nộp phí thẩm định theo quy định của Thông tư này.

**Điều 2. Cơ quan thu phí**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính đối với:

- Giấy phép bưu chính phạm vi liên tỉnh, quốc tế;

- Giấy phép nhập khẩu tem bưu chính;

- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính phạm vi liên tỉnh, quốc tế;

- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp làm đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài, nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam và làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài theo quy định tại điểm d, đ, e, h khoản 1 Điều 25 Luật bưu chính.

2. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính đối với:

- Giấy phép bưu chính phạm vi nội tỉnh;

- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính phạm vi nội tỉnh;

- Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

**Điều 3. Biểu mức thu**

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.

## **Điều 4. Quản lý sử dụng**

1. Phí thẩm định điều kiện hoạt độngbưu chính là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

Cơ quan thu phíSố tiền phí còn lại , cơ quan thu phí

2. Các nội dung khác liên quan đến việc đăng ký, kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày .../.../2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 185/2013/TT-BTC ngày 4/12/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động và lệ phí cấp giấy phép hoạt động trong hoạt động bưu chính.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Kiểm toán nhà nước;  - Công báo; Website Chính phủ;  - Uỷ ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Website Bộ Tài chính;  - Lưu VT, CST (5) (360b) | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Vũ Thị Mai** |

**BIỂU MỨC PHÍ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

**BƯU CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/2016/TT-BTC*

*Ngày .. tháng .. năm 2016 của Bộ Tài chính)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung thẩm định** | **Mức phí (1.000 đồng/lần)** |
| **I** | **Đối với các hoạt động thẩm định do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện** | |
| **1** | **Thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính** | |
| **1.1** | **Thẩm định lần đầu và thẩm định lại khi hết hạn** | |
| - Phạm vi liên tỉnh  - Phạm vi quốc tế  + Quốc tế chiều đến  + Quốc tế chiều đi  + Quốc tế hai chiều | 21.500  29.500  34.500  39.500 |
| ***1.2*** | *Thẩm định đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp* | |
|  | *- Phạm vi liên tỉnh*  *- Phạm vi quốc tế*  *+ Quốc tế chiều đến*  *+ Quốc tế chiều đi*  *+ Quốc tế hai chiều* | *8.500*  *10.500*  *11.500*  *12.500* |
| **1.3** | **Thẩm định sửa đổi, bổ sung** | |
| **1.3.1** | **Thẩm định mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ** | |
|  | - Phạm vi liên tỉnh  - Phạm vi quốc tế  + Quốc tế chiều đến  + Quốc tế chiều đi  + Quốc tế hai chiều | 5.500  6.500  7.500  8.500 |
| **1.3.2** | **Thẩm định thay đổi các nội dung khác trong giấy phép** | 3.000 |
| **1.3.3** | **Thẩm định cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được** | 2.500 |
| **2** | **Thẩm định điều kiện cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính** | |
| **2.1** | **Thẩm định cấp lần đầu** | |
| **2.1.1** | **Trường hợp tự cung ứng dịch vụ** | |
|  | - Phạm vi liên tỉnh  - Phạm vi quốc tế  + Quốc tế chiều đến  + Quốc tế chiều đi  + Quốc tế hai chiều | 2.500  2.500  2.500  2.500 |
| **2.1.2** | **Trường hợp làm đại lý cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài, nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam và làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài** | |
|  | - Phạm vi liên tỉnh  - Phạm vi quốc tế  + Quốc tế chiều đến  + Quốc tế chiều đi  + Quốc tế hai chiều | 3.500  3.500  3.500  3.500 |
| **2.1.3** | **Trường hợp làm văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài** | 2.000 |
| ***2.2*** | ***Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp*** | *2.500* |
| **2.3** | **Thẩm định cấp lại khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được, *thẩm định sửa đổi, bổ sung*** | 2.500 |
| **3** | **Thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu tem bưu chính** | 1.000 |
| **II** | **Đối với các hoạt động thẩm định do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện** | |
| **1** | Thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính và cấp văn bản xác nhận hoạt động bưu chính nội tỉnh | Thu bằng 50% mức thu phí thẩm định điều kiện cấp giấy phép bưu chính và cấp văn bản xác nhận hoạt động bưu chính liên tỉnh quy định tại Mục I Biểu này. |
| **2** | Thẩm định cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam | 1.000 |